

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 07 - 01 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1930

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1941

Cùng địa chỉ: ấp Cái Chim, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị L là anh Trần Văn M, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Cái Chim, xã Trần Thới, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Ông Đoàn Văn Nh, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

2. Bà Diệp Thu B, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2019 và các lời trình bày tại Tòa án, anh Trần Văn M là người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2014a1 vợ chồng ông Đoàn Văn Nh có vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước, việc vay tiền thì ông Nh và bà B có làm biên nhận. Từ khi vay đến nay ông Nh và bà B không trả vốn và cũng không trả lãi. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn Nh và bà Diệp Thị B (Diệp Thu B) trả số tiền vốn là 500.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/10/2014a1 đến nay.

Đối với bị đơn ông Đoàn Văn Nh, bà Diệp Thị B. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp L Thông báo thụ lý vụ án số 801/TB-TLVA ngày 18/10/2019 nhưng ông Nh, bà Diệp Thu B đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp L Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đoàn Văn Nh và bà Diệp Thu B. Tuy nhiên, ông Nh và bà B đều vắng mặt và bà B không tham gia phiên hòa giải, từ đó không thể tiến hành hòa giải được. Ông Nh và bà B cũng không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đoàn Văn Nh và bà Diệp Thu B đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp L nhiều lần nhưng Đoàn Văn Nh và bà Diệp Thị B không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đoàn Văn Nh và bà Diệp Thị B là phù hợp.

[2] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nh và bà B liên đới trả cho ông N, bà L số tiền vốn là 500.000.000 đồng đã vay ngày 20/10/2014 (âm lịch). Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng M. Do ông Nh và bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N, bà L khởi kiện.

Để chứng M cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông N, bà L đã cung cấp giấy mượn tiền mà ông Nh, bà B đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông Nh, bà

B không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử, khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp L. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông Nh, bà B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của anh thấy rằng: Anh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nh, bà B trả lãi suất theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử lấy mốc thời gian từ ngày 07/01/2017 đến ngày xét xử (ngày 07/01/2020) làm căn cứ tính lãi suất là phù hợp. Thời gian từ ngày 20/10/2014 đến ngày 06/01/2017 không yêu cầu tính lãi đối với ông Nh, bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng vay giữa ông N, bà L và ông Nh, bà B không có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn ông Nh, bà B không trả đầy đủ nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 07/01/2017 đến ngày 07/01/2020 là 36 tháng, được tính như sau: 500.000.000 đồng x 10%/năm (= 0.83%tháng) x 36 tháng = 149.400.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc Ông Nh, bà B trả cho ông N, bà L là 500.000.000 đồng + 149.400.000 đồng = 649.400.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Tại phiên tòa, anh N trình bày khoản tiền vay mà ông Nh, bà B còn thiếu là nợ chung của vợ chồng ông Nh, bà B vì mục đích vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình. Cho nên, cần buộc ông Nh, bà B có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông N, bà L số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về án phí: Ông Nh, bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc ông Đoàn Văn Nh, bà Diệp Thu B trả cho ông Trần Văn N, Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 149.400.000 đồng. Tổng cộng 649.400.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn Nh, bà Diệp Thu B phải chịu 29.960.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn N, bà Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nh, bà B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính